TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 10 tháng 01năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ph; sinh năm: 1976; địa chỉ: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị T và anh Phạm Ph.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** Về con chung: Anh chị thừa nhận có một con chung là Phạm V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2001. Anh chị thoả thuận giao chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm V; chị Trần Thị T dù đã được Toà án giải thích về quyền cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu anh Phạm Ph cấp dưỡng nuôi con chung, chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con; do vậy anh Phạm Ph không phải đóng góp tiền nuôi con chung; cấm anh Phạm Ph và chị Trần Thị T ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung.

* Về tài sản chung: Anh chị thừa nhận không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí vụ kiện: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; công nhận sự thỏa thuận của hai đương sự về án phí, chị Trần Thị T xin chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai số 0003001 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình; chị Trần Thị T được nhận lại 150.000đồng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phúc Nam